

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2018/QĐ-UBND

*Bình Định, ngày 20 tháng 7 năm 2018*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Định**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;*

*Căn cứ Thông tư Liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Định.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2018 và điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ dân sinh, hỗ trợ sản xuất, tàu thuyền bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt và dịch bệnh gây ra; Quyết định số 11/2013/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc

sửa đổi, bổ sung một số quy định mức hỗ trợ sản xuất bị thiệt hại do thiên tai, lũ lụt và dịch bệnh gây ra quy định tại Quyết định số 32/2012/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hồ Quốc Dũng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH  
MỨC HỖ TRỢ ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP  
VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2018/QĐ-UBND  
ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Điều 1.** Quy định mức hỗ trợ để khôi phục sản xuất nông nghiệp vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh (theo khung quy định của Chính phủ) như sau:

**1. Hỗ trợ đối với cây trồng, lâm nghiệp, sản xuất muối**

TT	Đối tượng được hỗ trợ	Mức hỗ trợ (đồng/ha)	
		Thiệt hại trên 70%	Thiệt hại từ 30% - 70%
<b>I</b>	<b>Cây trồng nông nghiệp</b>		
1	Diện tích gieo cây lúa thuần	2.000.000	1.000.000
2	Diện tích mạ lúa thuần	20.000.000	10.000.000
3	Diện tích cây lúa lai	3.000.000	1.500.000
4	Diện tích mạ lúa lai	30.000.000	15.000.000
5	Diện tích ngô và rau màu các loại	2.000.000	1.000.000
6	Diện tích cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm	4.000.000	2.000.000
<b>II</b>	<b>Sản xuất lâm nghiệp</b>		
1	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp, vườn giống, rừng giống	4.000.000	2.000.000
2	Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm	40.000.000	20.000.000
<b>III</b>	<b>Sản xuất muối</b>		
1	Diện tích sản xuất muối	1.500.000	1.000.000

**2. Hỗ trợ vật nuôi bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm**

**a. Thiệt hại do thiên tai**

TT	Đối tượng được hỗ trợ	ĐVT	Mức hỗ trợ
1	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng)		

	- Từ 01 đến 28 ngày tuổi	Đồng/con	15.000
	- Trên 28 ngày tuổi	Đồng/con	30.000
<b>2</b>	<b>Lợn</b>		
	- Lợn từ 01 đến 28 ngày tuổi	Đồng/con	400.000
	- Lợn trên 28 ngày tuổi	Đồng/con	700.000
	- Lợn nái và lợn đực đang khai thác	Đồng/con	2.000.000
<b>3</b>	<b>Trâu, bò, ngựa</b>		
	- Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	Đồng/con	2.500.000
	- Bò sữa trên 6 tháng tuổi	Đồng/con	7.000.000
	- Trâu, bò thịt, ngựa đến 6 tháng tuổi	Đồng/con	2.000.000
	- Trâu, bò thịt, ngựa trên 6 tháng tuổi	Đồng/con	5.000.000
<b>4</b>	<b>Hươu, nai</b>	Đồng/con	2.500.000
<b>5</b>	<b>Đê, cừu</b>	Đồng/con	1.000.000

### ***b. Thiệt hại do dịch bệnh nguy hiểm***

Hỗ trợ trực tiếp cho các hộ sản xuất chăn nuôi có gia súc, gia cầm phải tiêu hủy bắt buộc do mắc dịch bệnh hoặc trong vùng có dịch bắt buộc phải tiêu hủy với mức hỗ trợ cụ thể như sau:

<b>TT</b>	<b>Đối tượng được hỗ trợ</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Mức hỗ trợ</b>
1	Lợn	Đồng/kg hơi	30.000
2	Trâu, bò, dê, cừu, hươu, nai	Đồng/kg hơi	40.000
3	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng)		
	- Từ 01 đến 28 ngày tuổi	Đồng/con	15.000
	- Trên 28 ngày tuổi	Đồng/con	30.000

### **3. Hỗ trợ đối với nuôi trồng thủy, hải sản**

<b>TT</b>	<b>Đối tượng được hỗ trợ</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Thiệt hại trên 70%</b>	<b>Thiệt hại từ 30% - 70%</b>
1	Diện tích nuôi tôm quảng canh (nuôi tôm lúa, tôm sinh thái, tôm rừng, tôm kết hợp)	Đồng/ha	5.000.000	3.000.000
2	Diện tích nuôi cá truyền thống, các loài cá bản địa	Đồng/ha	10.000.000	5.000.000
3	Diện tích nuôi tôm sú bán thâm canh, thâm canh	Đồng/ha	7.000.000	5.000.000
4	Diện tích nuôi tôm thẻ chân trắng bán thâm canh, thâm canh	Đồng/ha	25.000.000	15.000.000
5	Diện tích nuôi nhuyễn thể	Đồng/ha	50.000.000	25.000.000

6	Diện tích nuôi cá tra thâm canh	Đồng/ha	25.000.000	15.000.000
7	Lồng, bè nuôi nước ngọt	Đồng/100 m <sup>3</sup> lồng	8.000.000	5.000.000
8	Diện tích nuôi cá rô phi đơn tính thâm canh	Đồng/ha	25.000.000	15.000.000
9	Diện tích nuôi cá nước lạnh (tầm, hồi) thâm canh	Đồng/ha	45.000.000	25.000.000
10	Lồng, bè nuôi trồng ngoài biển (xa bờ, ven đảo)	Đồng/100 m <sup>3</sup> lồng	18.000.000	12.000.000
11	Diện tích nuôi trồng các loại thủy, hải sản khác	Đồng/ha	5.000.000	3.000.000

## **Điều 2. Nguồn lực và cơ chế hỗ trợ**

1. Ngân sách Trung ương hỗ trợ 70%.

2. Phần ngân sách địa phương hỗ trợ 30% được quy thành tỷ lệ 100% và thực hiện theo cơ chế như sau:

a. Đối với thành phố Quy Nhơn: Ngân sách thành phố tự đảm bảo 100% kinh phí thực hiện.

b. Đối với 03 huyện miền núi Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.

c. Đối với huyện Hoài Ân: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% kinh phí thực hiện.

d. Đối với thị xã An Nhơn và các huyện: Tây Sơn, Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Nhơn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện.

**Điều 3.** Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc, điều kiện, trình tự thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

## **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a. Thẩm định báo cáo thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, thủy sản và muối do thiên tai, dịch bệnh của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; tổng hợp gửi Sở Tài

chính tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ.

**b.** Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất với Chính phủ về nhu cầu hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản và muối để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

## **2. Sở Tài chính**

**a.** Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất nguồn kinh phí để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ cho các địa phương theo quy định.

**b.** Báo cáo hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ, các Bộ Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai (đối với thiệt hại do thiên tai) về quyết toán kinh phí, kết quả thực hiện hỗ trợ thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo các mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

## **3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

**a.** Chủ động tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, ngừa, ứng phó với thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn, ngăn chặn, hạn chế đến mức thấp nhất lây lan dịch bệnh;

**b.** Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn hướng dẫn hộ sản xuất kê khai sản xuất, làm đơn đề nghị hỗ trợ thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo các mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh; thành lập hội đồng kiểm tra đánh giá thiệt hại; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thẩm định, quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 6 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

**c.** Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện hỗ trợ thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo các mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hồ Quốc Dũng**